

QUAN ĐIỂM NHÂN HỌC TRONG TRIẾT HỌC XÔCRÁT

ĐỖ MINH HỢP (*)

Xôcrát (470 – 399 TCN) không những là nhà triết học có nhân cách lớn trong lịch sử triết học, mà còn là chủ nhân của những tư tưởng nhân học độc đáo và, có thể nói, hiện vẫn mang tính thời sự đối với nhân học hiện đại. Không thể luận giải quan điểm nhân học của Xôcrát một cách đầy đủ trong khuôn khổ của một bài viết, vì vậy, chúng tôi chỉ có thể đề cập đến một số luận điểm chủ yếu trong quan điểm nhân học của ông.

Trước khi đề cập đến quan điểm nhân học trong triết học Xôcrát, chúng tôi muốn lưu ý rằng, trong di sản của mình, Xôcrát không để lại một tác phẩm nào, nên việc xác định các quan điểm của ông chỉ có thể thực hiện được qua các tác phẩm của Platôn – học trò xuất sắc nhất của ông, cũng như qua các tác phẩm của Kxênôphan và những tài liệu được Arixtốt thu thập, ghi lại. Có thể nói, quan điểm nhân học của Xôcrát được hình thành từ cách tiếp cận của ông đối với những khái niệm chung, như cái thiện và cái ác, cái đẹp và cái xấu, cái công bằng và cái hợp pháp, v.v.. Ông đi từ những biểu hiện riêng biệt của một đặc điểm nào đó đến việc hình thành khái niệm chung về đặc điểm ấy. Và, như nhà triết học Nga - A.Lôxép đã nhận xét: "Phương pháp định nghĩa bằng lối quy nạp là phát hiện triết học độc đáo của Xôcrát, mặc dù ông có ý thức được điều đó hay không vẫn là một điều chưa rõ"(1). Với phương pháp này, Xôcrát đã xây dựng quan điểm nhân học

của ông - một học thuyết độc đáo và đúng đắn về con người.

Trong học thuyết về con người của Xôcrát, câu trả lời cho vấn đề bản tính con người mãi mãi là một câu trả lời kinh điển. Về thực chất, đó là kết luận: "Chúng ta không thể nghiên cứu bản tính con người bằng con đường đã giúp chúng ta phát hiện ra bản chất của những hiện tượng vật lý. Chúng ta có thể mô tả những hiện tượng vật lý thông qua những đặc điểm khách quan của chúng, trong khi đó thì chỉ có thể mô tả và xác định con người thông qua ý thức của nó"(2). Trong quan điểm của Xôcrát, con người là thực thể luôn tìm kiếm bản thân mình, thường xuyên kiểm tra, thử nghiệm bản thân mình cũng như những điều kiện sinh tồn của mình. Rằng, chính cái tâm thế, sự định hướng có phê phán, có trải nghiệm đối với cuộc sống là cái quy định giá trị của cuộc sống. Với quan niệm này, Xôcrát khẳng định: "Thiếu sự trải nghiệm với cuộc sống thì cuộc sống ấy không còn là cuộc sống dành riêng cho con người"(3). Khi khẳng định điều này, Xôcrát cũng đã

(*) Tiến sĩ triết học, Viện Triết học.

(1) A.Lôxép. *Cuộc đời và sự nghiệp sáng tạo của Platôn*. Mátxcova, 1982, tr. 15 (tiếng Nga).

(2) E. Kassirơ. *Kinh nghiệm về con người: Nhập môn triết học về văn hóa con người*. Trong: *Vấn đề con người trong triết học phương Tây*. Mátxcova, 1983, tr. 3 (tiếng Nga).

(3) Dẫn theo: Platôn. *Mình biện cho Xôcrát*. Trong: Platôn. *Tuyển tập*, t.1. Mátxcova, 1982, tr.92 (tiếng Nga).

phát hiện ra và khẳng định *sự hiện diện của tâm hồn như là dấu hiệu quan trọng nhất của bản tính con người*.

Thoạt nhìn, luận điểm này của Xôcrát có vẻ kỳ lạ, song trên thực tế, các nhà triết học trước Xôcrát đã không biết tới khái niệm "tâm hồn" theo đúng nghĩa của từ này, và dấu một vài nhà triết học có biết thì họ cũng không nói về "tâm hồn" một cách tỉ mỉ như vậy và hơn nữa, không chú tâm nghiên cứu khái niệm này. Điểm chung ở văn hóa Hy Lạp là quan niệm về con người như một tiểu vũ trụ mà trong đó, toàn bộ vũ trụ - đại vũ trụ - được phản ánh. Xôcrát cũng là người tán thành quan niệm này. Nhưng, khác với các nhà triết học khác, ông nhấn mạnh tính đặc thù của con người, chỉ rõ sự khác biệt căn bản giữa con người với những bộ phận cấu thành khác của giới tự nhiên. Tâm hồn, trong quan niệm của ông, là năng lực tự ý thức của con người. Năng lực này luôn tồn tại và thường xuyên vận động. Do vậy, con người tự thể nghiệm bản thân mình, tự chiêm nghiệm về chính mình bằng cách suy xét mọi thứ ở bên ngoài như một vấn đề. Cuộc tìm kiếm câu trả lời cho sự thể nghiệm, chiêm nghiệm ấy chính là cuộc sống của tâm hồn, là bản chất của tâm hồn. Mọi cái ở bên ngoài tự nó, không được tâm hồn con người xem xét và không có quan hệ với con người chỉ là cái hư vô và trống rỗng. Do vậy, bản chất của con người là cái không phụ thuộc vào hoàn cảnh bên ngoài, thậm chí cả khi con người có quan niệm ngược lại với điều đó, hay khi con người cảm thấy sợ hãi nếu phải tự thừa nhận rằng sự lựa chọn bao giờ cũng chỉ phụ thuộc vào bản thân nó. Ở bên ngoài quan hệ với con người, mọi cái bên ngoài, từ cửa cải, địa vị xã hội đến quyền lực, thậm chí cả đặc điểm về thể xác và trí

tuệ của bản thân con người, đều đơn giản là không còn tồn tại đối với con người. Điều quan trọng và duy nhất mà thông qua đó, mọi cái bên ngoài đi vào con người và là cái cấu thành bản chất con người - đó là nguyên tắc tự tại của tâm hồn, nguyên tắc không được phép vi phạm, kể cả khi có ai đó không muốn làm người nữa.

Xôcrát còn luận chứng cho sự hiện diện của tâm hồn bằng suy luận như sau. Một cách đương nhiên, thể xác giống như công cụ, vì nó có thể thực hiện những hành vi nhất định và do vậy, cần phải có cái gì đó điều khiển công cụ ấy. Cái điều khiển thể xác không thể là thể xác; nó chỉ có thể là cái mà thể xác phải phục vụ. Cái mà thể xác phải phục vụ là cái vô hình, cái không thể cảm giác được, nhưng nó lại tự chứng tỏ mình một cách không bác bỏ được thông qua hành vi hợp lý của thể xác. Cái đó, theo Xôcrát, chỉ có thể là tâm hồn. Và, chỉ với sự hiện diện của tâm hồn, con người mới mang bản tính con người.

Luận điểm này của Xôcrát được coi là *sự phát hiện ra cái có tính người đích thực trong con người*. Ngày nay, việc nghiên cứu luận điểm này vẫn còn có ý nghĩa thời sự cấp bách. Bởi lẽ, triết học thực chứng, trong suốt một thời gian dài, đã lãng quên cái có tính người đích thực trong con người. Thậm chí, người ta còn loại bỏ và thay thế cái có tính người đích thực trong con người bằng "cái sinh học" và "cái xã hội". "Khe hở" giữa cái xã hội và cái sinh học bị loại trừ hoàn toàn, trong khi đó thì cái có tính người đích thực lại nằm chính ở đó. Không thừa nhận cái có tính người trong con người thì không thể giải thích và không thể hiểu được con người bằng mọi sự kết hợp giữa cái sinh học và cái xã hội. Chỉ cái có tính người theo đúng nghĩa của từ này mới hợp nhất trong nó cả cái

xã hội lẫn cái sinh học và quy định chúng cũng như mọi phương diện khác của bản tính con người. Khi chỉ tập trung vào cái xã hội hay cái sinh học, thì trong trường hợp tốt nhất, chúng ta cũng chỉ có thể phân biệt được loại người, nhóm người cùng với những đặc điểm chung đối với các đại diện của nó. Và, với cách tiếp cận như vậy, chúng ta đã làm mất cái cá nhân, con người riêng biệt với tính độc đáo và không dễ lặp lại của nó. Tính độc đáo và không dễ lặp lại này tồn tại như là tâm hồn và ở mỗi người, nó đều mang tính cá biệt nhưng lại không mang tính quyết định.

Trước khi trở thành một yếu tố cấu thành hành vi con người, tác động xã hội phải trải qua sự kiểm nghiệm, sự suy xét. Và, đương nhiên, con người có thể hoàn thành những mệnh lệnh mà nó không tán thành, có thể làm những điều mà nó không thích, nhưng điều này, một lần nữa, lại là minh chứng cho luận điểm coi thế giới nội tâm là cái không thủ tiêu được và không phụ thuộc trực tiếp vào cái bên ngoài. Một vấn đề khác là, thời điểm ra đời của thế giới tinh thần, thời điểm mà tất yếu đòi hỏi phải có một sự đột phá, phải có những nỗ lực từ phía bản thân con người. Những nỗ lực trí tuệ, đạo đức luôn đòi hỏi phải bảo vệ và duy trì thế giới nội tâm, tâm hồn con người. Không phải ngẫu nhiên mà Xôcrát lại nói: "Tôi chỉ làm những gì tôi thích và thuyết phục mỗi người trong các bạn, trẻ cũng như già, hãy quan tâm sớm hơn và mạnh mẽ hơn không phải đến cơ thể hay tiền bạc, mà đến tâm hồn các bạn để nó trở nên tốt nhất. Tôi muốn nói với các bạn rằng, không phải tiền bạc sinh ra lòng dũng cảm, mà chính lòng dũng cảm sinh ra tiền bạc và nhiều của cải khác cho con người, cả trong cuộc sống riêng tư lẫn trong cuộc sống xã hội"(4).

Xôcrát hoàn toàn không phủ nhận ý nghĩa của của cải và thành công mà con người đạt được trong cuộc sống. Ông hoàn toàn xa lạ với chủ nghĩa khắc kỷ nghiệt ngã. Nhưng, với ông, thành công và của cải không phải là những cái mà con người phải đạt được bằng mọi giá, bởi nó đồng nghĩa với việc đánh mất tâm hồn. Với ông, lòng dũng cảm, đức hạnh và những hành vi đạo đức hợp lý mới là dấu hiệu của hạnh phúc; của cải chỉ đem lại cho con người sự thỏa mãn tâm thường. Và, với ông, để có hạnh phúc, lý tính con người cần phải hạn chế những dục vọng và thông qua lý tính, con người phải đạt đến quyền lực tối cao đối với bản thân mình.

Nhờ bao thế hệ và đi qua nhiều thế kỷ, khái niệm "tâm hồn" đã mang đậm sắc thái đạo đức và tôn giáo. Nhưng, khái niệm này lần đầu tiên có được ý nghĩa cao cả nêu trên là trong những lời nói và các bài thuyết giáo của Xôcrát. "Nhờ phát hiện này, Xôcrát đã tạo ra một truyền thống đạo đức và trí tuệ nuôi dưỡng cả châu Âu cho tới ngày nay"(5). Nhiều học giả đã khẳng định vai trò của khái niệm "tâm hồn" mà Xôcrát đã đưa ra đối với nền văn minh phương Tây và các nền văn hóa khác. Song, khái niệm này của Xôcrát cũng đã không ít lần bị đả phá và bác bỏ. Và, điều đáng nói là khái niệm này vẫn tồn tại. Bản thân những người đả phá và bác bỏ nó cũng cần phải sống và tư duy trong một truyền thống đã được hình thành và được giữ gìn bởi khái niệm "tâm hồn" của Xôcrát. Việc họ sử dụng thanh danh, địa vị của mình cho mục đích đả phá khái niệm này khi không ý thức được

(4) Dẫn theo: Platon. *Sdd.*, tr. 84.

(5) Gi. Reale, D. Antiseri. *Triết học phương Tây từ cội nguồn cho tới ngày nay*, ph. I. Mátxcova, 1997, tr. 65 (tiếng Nga).

hay không muốn ý thức tính hiển nhiên và ý nghĩa của nó đối với cuộc sống con người và sự giao tiếp giữa người với người không thể là bằng chứng chống lại khái niệm này. Đương nhiên, khái niệm "tâm hồn" của Xôcrát luôn có một tính không xác định nào đó. Song, nếu xem xét một cách kỹ lưỡng thì có thể nói rằng, đa số khái niệm mà chúng ta đang sử dụng, kể cả các khái niệm khoa học, cũng không có tính chính xác tuyệt đối và chúng cũng thường được định nghĩa theo các cách khác nhau tùy thuộc vào bối cảnh và các nhân tố khác. Điều quan trọng là, độ sâu sắc của những nghĩa, những sự liên tưởng, những nội dung do khái niệm ấy biểu thị. Điều này cũng đúng với khái niệm "tâm hồn" của Xôcrát. Ngoài ra, khi vẫn giữ lại một số đặc điểm quan trọng như nó đã được Xôcrát phát hiện ra, khái niệm "tâm hồn" cần được tiếp tục làm rõ thêm.

Trong quan niệm của Xôcrát, tâm hồn là cái có cấu trúc đơn giản. Năng lực cơ bản của tâm hồn là lý tính. Tâm hồn là cái đối lập với dục vọng và cảm xúc sinh ra từ cơ thể và do thế giới bên ngoài kích thích. Xôcrát hoàn toàn không nói gì về ý chí, niềm tin như những năng lực độc lập, về trái tim với tư cách trung tâm tinh thần của mỗi con người. Thêm vào đó, cách tiếp cận của ông với tâm hồn chủ yếu là từ góc độ lý tính và cảm xúc. Cách tiếp cận này của ông cũng giống như những cách tiếp cận của các nhà triết học Hy Lạp sau đó đã không cho phép ông mở rộng quan niệm về tâm hồn ra khỏi khuôn khổ của lý tính và phương diện cảm xúc. Với ông, lý tính là năng lực tư duy, suy luận có lôgic. Còn cảm xúc hay dục vọng là sự mong muốn, là khát vọng có khuynh hướng kéo con người đi theo các phương hướng khác nhau nhất. Chúng kích thích sự vô độ, sự thái quá và qua đó, thường

xuyên đe dọa phá vỡ trạng thái thăng bằng của tâm hồn. Xét về phương diện này, lý tính luôn có một lợi thế hiển nhiên đối với dục vọng, vì nó có lôgic, có sự nhất quán. Chính vì vậy mà lý tính con người được Xôcrát coi là cội nguồn của cái mà ông gọi là sự *tự chủ*. Thông qua lý tính, con người thực hiện sự tự chủ và đi tới quyền lực tối cao của mình đối với chính bản thân mình. Sự tự chủ là quyền lực của lý tính đối với những bùng nổ tự phát của cuộc sống và do vậy, quyền lực cũng có nghĩa là tự do.

Với quan niệm này, Xôcrát cho rằng, người tự do là người biết cách điều khiển dục vọng, biết cách hạn chế dục vọng. Ông nói: "Bất cứ người nào cũng phải thừa nhận sự kiềm chế là cơ sở của đức hạnh và luôn phải có nó trong tâm hồn. Bởi, thiếu nó, không ai có thể có được những tri thức hữu ích nào đó hay thói quen kiềm chế. Nô lệ nào của những khoái cảm cũng đều đưa cả thể xác lẫn tâm hồn tới trạng thái nhục nhã"(6). Nô lệ của thói tục ăn, của thói mơ mộng, của thói dâm dục, của thói nghiện ngập không thể là một con người tự do. Bản thân Xôcrát đã chiến đấu không những chỉ chống lại khoái cảm, mà chống lại cả thói háu tiền, vì ông là người luôn bảo vệ quan điểm cho rằng, ai nhận tiền của người mà lần đầu tiên gặp mặt, sẽ biến người đó thành chủ nhân của mình và bản thân mình thì bị biến thành nô lệ(7). Do vậy, theo Xôcrát, tự do là kỹ năng điều khiển bản thân mình, kỹ năng được bảo đảm nhờ lý tính luôn là chủ nhân của thể xác. Và, khi xuất phát từ quan niệm coi lý tính là cái luôn có thể xác lập *độ* cho những khoái cảm mà việc loại bỏ nó một cách hoàn toàn là điều

(6) Dẫn theo: Kxênôphan. *Những hồi tưởng về Xôcrát*. Mátxcova, 1993, tr. 31 (tiếng Nga).

(7) Xem: Kxênôphan. *Sđđ.*, tr. 31-32.

hay không muốn ý thức tính hiển nhiên và ý nghĩa của nó đối với cuộc sống con người và sự giao tiếp giữa người với người không thể là bằng chứng chống lại khái niệm này. Đương nhiên, khái niệm "tâm hồn" của Xôcrát luôn có một tính không xác định nào đó. Song, nếu xem xét một cách kỹ lưỡng thì có thể nói rằng, đa số khái niệm mà chúng ta đang sử dụng, kể cả các khái niệm khoa học, cũng không có tính chính xác tuyệt đối và chúng cũng thường được định nghĩa theo các cách khác nhau tùy thuộc vào bối cảnh và các nhân tố khác. Điều quan trọng là, độ sâu sắc của những nghĩa, những sự liên tưởng, những nội dung do khái niệm ấy biểu thị. Điều này cũng đúng với khái niệm "tâm hồn" của Xôcrát. Ngoài ra, khi vẫn giữ lại một số đặc điểm quan trọng như nó đã được Xôcrát phát hiện ra, khái niệm "tâm hồn" cần được tiếp tục làm rõ thêm.

Trong quan niệm của Xôcrát, tâm hồn là cái có cấu trúc đơn giản. Năng lực cơ bản của tâm hồn là lý tính. Tâm hồn là cái đối lập với dục vọng và cảm xúc sinh ra từ cơ thể và do thế giới bên ngoài kích thích. Xôcrát hoàn toàn không nói gì về ý chí, niềm tin như những năng lực độc lập, về trái tim với tư cách trung tâm tinh thần của mỗi con người. Thêm vào đó, cách tiếp cận của ông với tâm hồn chủ yếu là từ góc độ lý tính và cảm xúc. Cách tiếp cận này của ông cũng giống như những cách tiếp cận của các nhà triết học Hy Lạp sau đó đã không cho phép ông mở rộng quan niệm về tâm hồn ra khỏi khuôn khổ của lý tính và phương diện cảm xúc. Với ông, lý tính là năng lực tư duy, suy luận có lôgic. Còn cảm xúc hay dục vọng là sự mong muốn, là khát vọng có khuynh hướng kéo con người đi theo các phương hướng khác nhau nhất. Chúng kích thích sự vô độ, sự thái quá và qua đó, thường

xuyên đe dọa phá vỡ trạng thái thăng bằng của tâm hồn. Xét về phương diện này, lý tính luôn có một lợi thế hiển nhiên đối với dục vọng, vì nó có lôgic, có sự nhất quán. Chính vì vậy mà lý tính con người được Xôcrát coi là cội nguồn của cái mà ông gọi là sự *tự chủ*. Thông qua lý tính, con người thực hiện sự tự chủ và đi tới quyền lực tối cao của mình đối với chính bản thân mình. Sự tự chủ là quyền lực của lý tính đối với những bùng nổ tự phát của cuộc sống và do vậy, quyền lực cũng có nghĩa là tự do.

Với quan niệm này, Xôcrát cho rằng, người tự do là người biết cách điều khiển dục vọng, biết cách hạn chế dục vọng. Ông nói: "Bất cứ người nào cũng phải thừa nhận sự kiểm chế là cơ sở của đức hạnh và luôn phải có nó trong tâm hồn. Bởi, thiếu nó, không ai có thể có được những tri thức hữu ích nào đó hay thói quen kiểm chế. Nô lệ nào của những khoái cảm cũng đều đưa cả thể xác lẫn tâm hồn tới trạng thái nhục nhã"(6). Nô lệ của thói tục ăn, của thói mơ mộng, của thói dâm dục, của thói nghiện ngập không thể là một con người tự do. Bản thân Xôcrát đã chiến đấu không những chỉ chống lại khoái cảm, mà chống lại cả thói hám tiền, vì ông là người luôn bảo vệ quan điểm cho rằng, ai nhận tiền của người mà lần đầu tiên gặp mặt, sẽ biến người đó thành chủ nhân của mình và bản thân mình thì bị biến thành nô lệ(7). Do vậy, theo Xôcrát, tự do là kỹ năng điều khiển bản thân mình, kỹ năng được bảo đảm nhờ lý tính luôn là chủ nhân của thể xác. Và, khi xuất phát từ quan niệm coi lý tính là cái luôn có thể xác lập *độ* cho những khoái cảm mà việc loại bỏ nó một cách hoàn toàn là điều

(6) Dẫn theo: Kxenôphan. *Những hồi tưởng về Xôcrát*. Mátxcova, 1993, tr. 31 (tiếng Nga).

(7) Xem: Kxenôphan. *Sđđ.*, tr. 31-32.

không thể. Rằng, người thông thái là người học được cách xác định độ hợp lý, tuân thủ nó và có được sự tự do. Theo đó, có thể nói, Xôcrát đã làm nên một bước ngoặt mới trong hệ thống giá trị ở thời đại ông, khi ông coi, cái có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong cuộc sống con người là sự tự do của tâm hồn con người.

Nói tới các giá trị của cuộc sống, chúng ta đã thực sự bước vào lĩnh vực đạo đức học - khoa học về đạo đức và luân lý mà Xôcrát có quyền được coi là người sáng lập. Phân chia học thuyết về đạo đức của mình thành ba bộ phận: 1) học thuyết về phúc lợi, 2) học thuyết về các đức hạnh và 3) học thuyết về nghĩa vụ, Xôcrát coi *phúc lợi* là cái quy định mục đích sống của con người, là giá trị của cuộc sống con người, là cái mà con người cần phải hướng tới để trở thành người hạnh phúc. Còn *đức hạnh* là những phẩm chất tích cực của con người, là cái hoàn toàn khác với những khuyết tật mà con người không thể tránh khỏi. Để đạt tới phúc lợi, con người cần phải có những phẩm chất cụ thể, những *đức hạnh*, như sự kiềm chế (tự chủ), sự dũng cảm và sự công bằng. Ba đức hạnh này, theo Xôcrát, cộng lại chính là sự thông thái. Sự thông thái là đức hạnh nói chung và thể hiện ở khả năng phân biệt cái tốt với cái xấu, cái hữu ích với cái vô ích. Sự tự chủ là cơ sở cho mọi đức hạnh khác; thiếu nó, con người không thể sống và làm việc. Sự dũng cảm là những hiểu biết cần có để khắc phục những mối nguy hiểm một cách thông minh và không hề run sợ. Sự công bằng là những hiểu biết về việc tuân thủ luật pháp (thành văn cũng như bất thành văn). Việc tuân thủ luật pháp thành văn là cơ sở cho sự thịnh vượng của một nhà nước. Luật bất thành văn là những đạo luật chung, phổ quát và do thần linh đem lại cho loài người. *Nghĩa*

vụ là luật mà con người có lý tính cần phải tuân theo trong cuộc sống. Hiểu luật có nghĩa là hiểu mối liên hệ của nó với phúc lợi (hạnh phúc) và các đức hạnh. Và, theo Xôcrát, luật cơ bản là ở chỗ làm sao tránh được những cái xấu xa, hướng tới những cái tốt đẹp. Để làm được điều đó, con người cần phải hạn chế nhu cầu và khoái cảm, cần phải hoàn thành nghĩa vụ, bởi "thần linh không đem lại một cái gì hữu ích và vẻ vang cho con người, nếu người đó không lao động, không có sự quan tâm tới người khác. Nếu muốn thần linh nhân từ với chính mình, con người hãy tôn thờ thần linh; muốn được bạn bè yêu quý thì hãy làm việc thiện cho họ; muốn có được danh dự nơi mình đang sống thì hãy làm lợi cho nó"(8).

Như vậy, có thể nói, quan điểm nhân học của Xôcrát khác về căn bản so với quan điểm nhân học trong tư tưởng Hy Lạp trước đó. Xôcrát cố gắng xây dựng một học thuyết hoàn chỉnh về con người và bản tính con người từ quan niệm độc đáo về tâm hồn con người, về giá trị của cuộc sống con người. Ông hoàn toàn không quan tâm tới những sự phản bác nhằm chống lại học thuyết của mình, mà xuất phát từ sự không trùng hợp giữa quan điểm của ông với quan điểm của đa số, từ sự chiêm nghiệm của ông về con người và cuộc sống con người. Điều duy nhất làm cho Xôcrát quan tâm - đó là bác bỏ những lời phản bác từ góc độ tính nhất quán lôgic. Trong các cuộc đàm thoại, khi đáp lại những lời phản bác như vậy, ông luôn tự kiểm tra lại và làm sâu sắc thêm quan điểm của mình, hướng tới tính hoàn hảo về mặt lôgic mà theo ông, có khả năng bảo đảm sự thống nhất không những của lý luận, mà cả của cuộc sống nội tâm. Và, do

(8) *Sdd.*, tr. 44.

vậy, với ông, lý tính hay tính hợp lý được coi là nguyên tắc của tâm hồn.

Đồng nhất tính hợp lý với tính có logic nhất quán, không thể nắm bắt được, Xôcrát đã gắn nó với "sự hiểu biết" mà theo ông, đó không những là thông tin về một cái gì đó, mà trước hết là kỹ năng tư duy một cách có logic. Ông cho rằng, vì các lý do khác nhau, nên nhiều người không thể phát triển được năng lực tư duy của mình, và do vậy, họ không biết cách tư duy một cách có logic và khi không tư duy một cách có logic, họ luôn mắc phải những sai lầm. Những sai lầm này, theo ông, chính là nguyên nhân dẫn tới những sai lầm trong lĩnh vực đạo đức và từ đó nảy sinh những tham vọng và hành vi xấu xa. Với quan niệm này, ông cho rằng, cội nguồn của cái ác là sự không có tri thức và sự không có tri thức là sản phẩm của tình trạng tâm hồn hỗn loạn, của việc lý tính không có khả năng khắc phục những dục vọng.

Như vậy, có thể nói, với Xôcrát thì cái ác và sự không có tri thức (không có khả năng tư duy một cách có logic) là đồng nhất. Và, với ông, nếu con người hiểu biết (có tri thức) về một cái gì đó mà họ cho là cái ác, cái chỉ đem lại cho họ những điều xấu xa thì họ sẽ không làm điều đó. Do vậy, nghĩa vụ của nhà triết học cũng như nghĩa vụ của bất kỳ ai có tư duy là ở chỗ, giúp đỡ người khác trải qua con đường nhận thức có logic về phúc lợi, đức hạnh và nghĩa vụ để hướng tới một cuộc sống có đức hạnh.

Người ta thường coi quan điểm về sự chế định trực tiếp về mặt logic của đạo đức bởi tri thức (lý tính, trí tuệ) mà Xôcrát đã xây dựng và bảo vệ là *thuyết chủ trí đạo đức học Xôcrát*. Những luận điểm khái quát của nó là như sau: 1) đức hạnh luôn

là tri thức, khuyết tật luôn là sự dốt nát; 2) không ai mắc tội một cách có ý thức, mà chỉ làm cái ác vì không có tri thức.

Những vấn đề mà thuyết chủ trí đạo đức học thực sự đặt ra là: Thứ nhất, con người dễ dàng tin vào một cái gì đó nhờ kinh nghiệm của chính họ cũng như nhờ kinh nghiệm của người khác, bởi tri thức về cái ác không phải bao giờ cũng ngăn chặn được những hành vi xấu xa, thậm chí tai hại sinh ra từ chúng. Thứ hai, khi đặt ra câu hỏi nếu toàn bộ vấn đề chỉ là ở lý tính, còn mỗi người là thực thể có lý tính bẩm sinh, thì tại sao con người lại cảm thấy khó hiểu trước cái ác và cái thiện, Xôcrát cho rằng, việc giải thích cho mọi người lợi ích của cái thiện và của cái ác là một vấn đề rất nan giải, bởi trái ngược với lý tính của mình, con người thường nhận thấy và hiểu được những điều tốt đẹp, nhưng họ vẫn luôn làm những điều xấu xa.

Như vậy, có thể nói, với quan điểm nhân học của mình, Xôcrát là người đầu tiên đã chỉ ra sự khác biệt về đối tượng và do vậy, cả về phương pháp nhận thức đối với vấn đề con người. Mặc dù ông chưa ý thức được toàn bộ tầm quan trọng và độ sâu sắc của sự khám phá này, chưa thoát hoàn toàn ra khỏi cái nhìn của chủ nghĩa duy lý cổ điển về nhận thức nói chung và về nhận thức nhân học nói riêng, song với quan điểm nhân học độc đáo của mình, ông xứng đáng được coi là ông tổ của nhân học theo nghĩa hiện đại của từ này. Mặc dù, còn có nhiều ý kiến khác nhau về quan điểm nhân học của Xôcrát, song có thể nói, với cái nhìn hiện đại, quan điểm này của ông đã để lại cho chúng ta nhiều gợi ý quan trọng và thú vị. Và, có lẽ, chúng ta vẫn cần phải trở lại với Xôcrát để học cách làm người và làm triết học. □